

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Bản án số: 237/2018/HS-PT

Ngày: 27-11-2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Diệu Hiền

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Thu Hường

Bà Nguyễn Thị Kim Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 199/2018/TLPT-HS ngày 08 tháng 11 năm 2018 đối với bị cáo Trịnh Đình T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 46/2018/HS-ST ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trịnh Đình T, sinh năm: 1986; Nơi ĐKKHKT: ấp T, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Không; Con ông: Trịnh Thanh H – sinh năm: 1963 và bà Lê Thị Th – sinh năm 1963. Bị cáo là người con duy nhất trong gia đình; Bị cáo có vợ: Danh Thị Ti – sinh năm: 1995. Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Ngày 14/8/2007 bị tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích tại bản án số 124/2007/HSPT; Ngày 14/8/2007.(Đã xóa án tích)

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/3/2018 cho đến nay. (có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Tuân:*

Luật sư Phạm Hữu Phan – Văn phòng luật sư Đoàn Công Thiện thuộc đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu tháng 3 năm 2018, Trịnh Đình T (T là người nghiện ma túy) đến khu lấn biển thuộc thành phố R, tỉnh Kiên Giang mua từ 01 người đàn ông tên Tr (không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể) 01 bọc ma túy loại Methamphetamine, 01 bọc ma túy loại Ketamine, 02 viên nén màu hồng với giá 1.700.000 đồng sau đó đem về nhà cất giấu. Đến sáng ngày 08/3/2018, T lấy bọc ma túy loại Methamphetamine lấy ra 01 ít ma túy chia làm 02 bọc nhỏ. T sử dụng 01 bọc còn 01 bọc T cất giấu trong phòng ngủ. Đối với số ma túy còn lại, T giấu vào túi quần sau đó đến khoảng 15 giờ cùng ngày, T gọi điện thoại kêu Nguyễn Thành Đ lấy xe mô tô chở T đi thành phố R. Trên đường đi, T điện thoại cho Trương Ánh M hỏi thăm M. M hẹn gặp T tại phòng trọ số 03 nhà trọ TL thuộc ấp M1, xã M2, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Một lúc sau, T và Đ đến phòng trọ số 03 gặp M. Tuân ngồi nói chuyện với M khoảng 15 phút thì kêu M mua cho T 02 quẹt ga để T sử dụng ma túy. Sau đó M đi mua 02 quẹt ga đem về phòng trọ thì lực lượng Công an xã M2 kết hợp Công an huyện H kiểm tra nhà trọ phát hiện trên người T và M có cất giấu ma túy.

Thu giữ trên người Trịnh Đình T gồm có:

+ 01 (một) bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 4,5cm x 3 cm, bên trong có chứa nhiều chất rắn màu trắng không đồng nhất.

+ 01 (một) bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 1,8 cm x 1,5 cm, bên trong có chứa nhiều chất rắn màu trắng không đồng nhất.

+ 02 (hai) viên thuốc hình tròn màu hồng đường kính 0,9 cm, dày 0,3 cm, mặt trên có ghi chữ LV.

+ Tiền Việt Nam 9.520.000 đồng.

Thu giữ trên người Trương Ánh M gồm có:

+ 01 (một) bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 3,3 x 1,8 cm, bên trong có chứa nhiều chất rắn màu trắng không đồng nhất.

+ 02 (hai) quẹt ga chưa qua sử dụng.

+ Tiền Việt Nam 215.000 đồng.

Thu giữ trên người Nguyễn Thành Đ gồm có:

+ Tiền Việt Nam 190.000 đồng.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của T phát hiện thu giữ tại nhà Trịnh Đình T gồm có:

+ 01 (một) bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 3,5 x 3 cm, bên trong có chứa nhiều chất rắn màu trắng không đồng nhất.

+ 01 (một) khẩu súng ngắn màu đen bằng kim loại, kích thước 18 x 13 cm, bên trái có ghi chữ WALTHER CP88.

+ 01 (một) khẩu súng ngắn ổ xoay màu trắng, ổ xoay bằng kim loại, kích thước 31 x 15 cm, ốp tay cầm màu đen, bên ngoài có ghi dòng chữ 09Q01654.

+ 01 (một) cây nỏ màu đen, kích thước 69 x 16 cm.

+ 01 (một) hộp đạn ý màu trắng kích thước 16,5 x 9 cm bên trong có chứa nhiều viên đạn chì hình tròn.

Đối với 02 viên thuốc nén và 03 bọc nhựa bên trong có chứa nhiều tinh thể rắn màu trắng thu giữ trên người Trịnh Đình T, Trương Ánh M và thu giữ tại nhà Trịnh Đình T đã niêm phong cụ thể:

- 01 bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 4,5cm x 3 cm, bên trong có chứa nhiều chất rắn màu trắng không đồng nhất cùng với 01 bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 1,8 cm x 1,5 cm, bên trong có chứa nhiều chất rắn màu trắng không đồng nhất và 02 viên thuốc hình tròn màu hồng đường kính 0,9 cm, dày 0,3 cm, mặt trên có ghi chữ LV được bỏ trong một bao thư và dán lại. Bên ngoài bao thư có chữ ký họ tên của Phó Đội trưởng Hoàng Vũ L, Điều tra viên Ngô Văn C, Phó Trưởng Công an xã P, người chứng kiến Nguyễn

Thị D, đối tượng Trịnh Đình T, sau đó đóng dấu tròn của Công an xã M2 lên các chữ ký (Tang vật thu giữ trên người Trịnh Đình T).

- 01 bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 3,3 x 1,8 cm, bên trong có chứa nhiều chất rắn màu trắng không đồng nhất được bỏ trong một bao thư và dán lại. Bên ngoài bao thư có chữ ký họ tên của Phó Đội trưởng Hoàng Vũ L, Điều tra viên Ngô Văn C, Phó Trưởng Công an xã P, người chứng kiến Nguyễn Thị D, đối tượng Trương Ánh M sau đó đóng dấu tròn của Công an xã M2 lên các chữ ký (Tang vật thu giữ trên người Trương Ánh M).

- 01 bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 3,5 x 3 cm, bên trong có chứa nhiều chất rắn màu trắng không đồng nhất được bỏ trong một bao thư và dán lại. Bên ngoài bao thư có chữ ký họ tên của Điều tra viên Bùi Quang Ti, cán bộ điều tra Bùi Văn Hoài Ph, Trưởng Công an xã B, người chứng kiến Danh Thị Ti sau đó đóng dấu tròn của Công an xã B lên các chữ ký (Tang vật thu giữ tại chỗ ở Trịnh Đình T).

* Ngày 09/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất đã trưng cầu giám định đến Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đối với số tang vật bị niêm phong nói trên.

Tại bản kết luận giám định số 185/KTHS ngày 12/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang đã kết luận:

Gói 01: + Các hạt tinh thể rắn màu trắng không đồng nhất bên trong 01 bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 4,5 x 3 cm chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 2,129 gam.

+ Các hạt tinh thể rắn màu trắng không đồng nhất bên trong 01 bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 1,8 x 1,5 cm là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng là 0,11 gam.

+ 02 viên nén hình tròn màu hồng đường kính 0,9 cm, dày 0,3 cm, mặt trên có ghi chữ LV có khối lượng là 0,7104 gam do không có đủ điều kiện để giám định tiếp nên không có kết luận và hoàn lại 01 viên nén hình tròn màu hồng đường kính 0,9 cm, dày 0,3 cm, mặt trên có ghi chữ LV cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Hòn Đất.

Gói 02: Các hạt tinh thể rắn màu trắng không đồng nhất bên trong 01 bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 3,3 x 1,8 cm chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 0,09 gam.

Gói 03: Các hạt tinh thể rắn màu trắng không đồng nhất bên trong 01 bọc nhựa trong suốt hình chữ nhật kích thước 3,5 x 3 cm chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng là 1,3942 gam.

Ngày 15/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trưng cầu giám định đến Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đối với 01 viên nén hình tròn màu hồng đường kính 0,9 cm, dày 0,3 cm, mặt trên có ghi chữ LV.

Tại bản kết luận giám định số 2285/C54B ngày 05/6/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận viên nén hình tròn màu hồng đường kính 0,9 cm, dày 0,3 cm, mặt trên có ghi chữ LV là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,361 gam.

* Ngày 22/5/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã trưng cầu giám định đến Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đối với: **01** khẩu súng ngắn màu đen bằng kim loại, kích thước 18 x 13 cm, bên trái có ghi chữ WALTHER CP88; **01** khẩu súng ngắn ổ xoay màu trắng, ổ xoay bằng kim loại, kích thước 31 x 15 cm, ốp tay cầm màu đen, bên ngoài có ghi dòng chữ 09Q01654; **01** cây nỏ màu đen, kích thước 69 x 16 cm.

Tại bản kết luận giám định số 2286/C54B ngày 08/6/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết luận:

- 01 khẩu súng ngắn màu đen gửi giám định là súng đồ chơi nguy hiểm, không phải là vũ khí quân dụng. Hiện tại súng không còn khí nén để bắn được đạn ra khỏi nòng.

- 01 khẩu súng ngắn ổ xoay màu trắng gửi giám định là súng đồ chơi nguy hiểm, không phải là vũ khí quân dụng.

- 01 cây nỏ màu đen gửi giám định là vũ khí thô sơ, không phải là vũ khí quân dụng.

Tại Bản án sơ thẩm số: 46/2018/HSST ngày 05/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang:

Tuyên bố: Bị cáo **Trịnh Đình T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Trịnh Đình T **04** (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt 08/3/2018.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng, án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/10/2018 bị cáo Trịnh Đình T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Mức án quá cao so với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về tội danh của bị cáo là phù hợp, về hình phạt xét bị cáo là người có nhân thân xấu, tòa án sơ thẩm áp dụng một tình tiết giảm nhẹ và tuyên mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm đã tuyên. Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Luật sư bào chữa cho bị cáo T: Luật sư thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng tội. Tuy nhiên xin Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội của bị cáo mức độ nghiêm trọng không quá lớn, bị cáo phạm tội lần đầu, bị cáo đã từng phạm tội nhưng đã được xóa án tích, bị cáo là lao động chính trong gia đình, sau khi bị bắt bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hình phạt 04 năm tù là nặng cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo và nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo:

Xét đơn kháng cáo của bị cáo Trịnh Đình T về nội dung, quyền kháng cáo, thủ tục kháng cáo và thời hạn kháng cáo là đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét giải quyết đơn kháng cáo theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quyết định của bản án sơ thẩm:

Từ tháng 03 năm 2018, bị cáo Trịnh Đình T đã mua một bọc ma túy của một người đàn ông tên Tr (không rõ họ tên địa chỉ cụ thể) loại Methamphetamine, 01 bọc ma túy loại Ketamine, 02 viên nén màu hồng với giá 1.700.000 đồng sau đó đem về nhà cất giấu nhằm mục đích sử dụng. Khi bị bắt quả tang thu giữ trên người bị cáo loại Methamphetamine, khối lượng 2,129 gam; loại Ketamine, khối lượng 0,11 gam; tàng trữ trái phép viên nén chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 0,361 gam; Ngoài ra bị cáo còn tàng trữ trái phép chất ma túy tại nơi ở thuộc ấp TT, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, loại Methamphetamine, khối lượng 1,3942 gam. Do vậy Tòa án nhân dân huyện H đã xử phạt bị cáo Trịnh Đình T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Sau khi xét xử sơ thẩm xong bị cáo Trịnh Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo bị bắt quả tang hành vi tàng trữ, cất giấu trái phép chất ma túy, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự với hàm lượng ma túy là 3,98 gam. Tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo nên cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để tuyên mức án 04 năm là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo kháng cáo cho rằng mức án xử nặng nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[4] Về quan điểm của Viện kiểm sát: Bị cáo Trịnh Đình T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không đưa ra được tình tiết nào mới để xem xét nên

đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và giữ nguyên án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về quan điểm của luật sư bào chữa cho bị cáo: Luật sư thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo vì mức án mà cấp sơ thẩm tuyên có phần nặng cho bị cáo là không có cơ sở, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử đã thảo luận và thấy rằng các Quyết định của bản án sơ thẩm về tội danh và mức hình phạt cho bị cáo Trịnh Đình T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên thống nhất chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị cáo T.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Do yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các Quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ Luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trịnh Đình T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Trịnh Đình T** 04 (Bốn) năm tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 08/03/2018.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Trịnh Đình T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm số 46/2018/HSST ngày 05/10/2018 Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc Kiểm tra (1);
- TAND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Sở tư pháp tỉnh Kiên Giang (1);
- Phòng HSNV CA tỉnh KG (1);
- Tổ HCTP (1);
- TAND huyện Hòn Đất (1);
- THA huyện Hòn Đất (1);
- VKSND huyện Hòn Đất (1);
- CQCSĐT huyện Hòn Đất (1);
- Bị cáo kháng cáo (1);
- Lưu hồ sơ (1)
- Lưu Tòa hình sự (5).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Diệu Hiền